TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 123/2022/DS-ST Ngày: 05-10-2022 V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Thúy Liễu.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Trần Văn Thạch.

2. Ông Đặng Thanh Q.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 9 năm 2022 và 05 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1972 và ông Lê Thanh S, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: số nhà 88, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

- Ông Phạm Văn T - Luật sư của Công ty Luật Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt ngày 30/9/2022, vắng mặt ngày 05/10/2022).

- Bà Võ Hướng D - Luật sư của Công ty Luật Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt ngày 30/9/2022, có mặt ngày 05/10/2022).

2. Bị đơn: Chị Lê Phạm Huyền T, sinh năm 1989 và anh Lê Phạm Minh T1, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: số nhà E, đường F, khu phố G, phường K, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1967; địa chỉ: số nhà E, đường F, khu phố G, phường K, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1958; địa chỉ: số nhà 11, hẻm 6, đường L, khu phố M, phường N, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà 86, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Lê Văn Q, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà 88, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Lê Thanh T2, sinh năm 1974; địa chỉ: số nhà 88, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 88, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Lê Thị G, sinh năm 1979; địa chỉ: số nhà 88, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M, ông Lê Văn Q, ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị L, bà Lê Thị G là ông Lê Văn B (có mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1973; địa chỉ: số nhà 84, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt ngày 30/9/2022, vắng mặt ngày 05/10/2022).

- Ông Đặng Văn V, sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà 78-80, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt ngày 30/9/2022, vắng mặt ngày 05/10/2022).

- Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà 393, đường V, khu phố P, phường G, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt ngày 30/9/2022, vắng mặt ngày 05/10/2022).

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 3, ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng H và ông Lê Thanh S thống nhất trình bày:***

Cha mẹ bà H, ông S là cụ Lê Văn K (chết năm 1998) và cụ Nguyễn Thị N (chết năm 2012). Hai cụ có tất cả 11 người con gồm: Lê Văn B, Lê Thị M, Lê Văn H (chết năm 2010, có vợ là Phạm Thị Q và 02 người con là Lê Phạm Huyền T và Lê Phạm Minh T1), Lê Văn K (đã chết, không có vợ con), Lê Văn Q, Lê Thị Ngọc Đ (đã chết, không có chồng con), Lê Thị Hồng H, Lê Thanh T, Lê Thị

L, Lê Thị G và Lê Thanh S. Hai cụ không có con nuôi hay con riêng và khi chết không có để lại nghĩa vụ tài sản nào khác.

Khi còn sống, cụ K và cụ N có tạo lập 01 phần đất diện tích 72,05m^2 và căn nhà cấp 4 diện tích 72,05m^2 (qua đo đạc thực tế thì phần đất có diện tích 97m^2 và căn nhà cấp 4 có diện tích 95,46m^2), thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/02/2001 mang tên cụ Lê Văn K và cụ Nguyễn Thị N.

Cụ K chết không có di chúc. Cụ N chết có để lại "Tờ di chúc" ngày 08/10/2012, theo đó cụ N di chúc để lại nhà, đất nêu trên tại địa chỉ 42/8 (số nhà cũ), nay là số 88, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh cho bà H và ông S được hưởng thừa kế. Di chúc của cụ N được ông Nguyễn Công K viết thay và có người làm chứng là ông Đặng Văn V, ông Huỳnh Văn L, ông Trần Văn N ký tên chứng kiến vào di chúc này. Ngoài ra, trong di chúc còn có chữ ký của ông Lê Văn B, bà Lê Thị M, ông Lê Văn Q, ông Lê Thanh T, bà Lê Thị L và bà Lê Thị G. Hiện tại, bà H, ông S, ông Q và ông T đang sinh sống tại nhà đất này.

Nay bà H và ông S khởi kiện yêu cầu được hưởng thừa kế theo "Tờ di chúc" ngày 08/10/2012 của cụ Nguyễn Thị N đối với nhà, đất nêu trên.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Phạm Huyền T và anh Lê Phạm Minh T1 thống nhất trình bày:***

Chị T, anh T1 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và thời gian cụ K và cụ N chết. Cha mẹ của chị T, anh T1 là ông Lê Văn H (đã chết năm 2010) và bà Phạm Thị Q. Ông H không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Phần đất diện tích 72,05m^2 và căn nhà cấp 4 diện tích 72,05m^2 (qua đo đạc thực tế thì phần đất có diện tích 97m^2 và căn nhà cấp 4 có diện tích 95,46m^2), thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của cụ K và cụ N. Hiện tại, ngoại trừ ông B, bà M thì ông Q, ông T, bà L, bà G, bà H, ông S ai cũng có sinh sống tại nhà đất trên để buôn bán.

Chị T và anh T1 đều không biết việc bà nội (cụ N) lập di chúc để lại nhà đất nêu trên cho bà H, ông S và anh chị không thừa nhận "Tờ di chúc" ngày 08/10/2012 của cụ N, bởi vì cụ K chết không có để lại di chúc mà nhà đất nêu trên là tài sản chung của cụ K và cụ N nên cụ N không có quyền quyết định để lại toàn bộ nhà đất nêu trên cho bà H, ông S, việc này làm ảnh hưởng đến quyền thừa kế tài sản của ông H, nay ông H đã chết thì ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T, anh T1. Do đó, chị T và anh T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H, ông S, anh chị yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản do cụ K và cụ N để lại theo quy định pháp luật và anh chị yêu cầu được hưởng phần thừa kế của cha là ông H. Nếu di chúc của cụ N hợp pháp thì chị T và anh T1 yêu cầu chia phần di sản của cụ K để lại theo quy định pháp luật và giao phần thừa kế của ông H cho chị

T, anh T1 được hưởng.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn B (vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vừa là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M, ông Lê Văn Q, ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị L, bà Lê Thị G) trình bày:***

Ông B thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống. Cụ K chết không để lại di chúc. Cụ N chết có để lại "Tờ di chúc" ngày 08/10/2012.

Khi còn sống, cha mẹ ông có tạo lập được 02 nhà đất gồm: nhà đất đang tranh chấp thừa kế và nhà đất vợ con ông H (bà Q, chị T, anh T1) đang sở hữu, sử dụng. Khoảng năm 1992, cha mẹ ông chia căn nhà và đất mà vợ con ông H đang ở làm 04 phần cho 04 người con trai là: ông H, ông K, ông Q, ông T2, mỗi người hưởng 06 chỉ vàng 24K và vợ chồng ông H, bà Q đã mua lại phần của ông K, ông Q, ông T2 với giá 1,8 lượng vàng 24K để sở hữu, sử dụng nhà đất. Còn ông B và anh chị em còn lại thì cha mẹ chưa có chia tài sản.

Ngày 08/10/2012, mẹ ông (cụ N) lập di chúc để lại toàn bộ nhà đất tại 42/8 (số cũ), nay là số 88, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh cho bà H và ông S được hưởng thừa kế. Di chúc này được ông Nguyễn Công K (người hàng xóm) viết dùm và có 03 người làm chứng là ông Đặng Văn V, ông Huỳnh Văn L, ông Trần Văn N ký tên. Ngoài ra, ông B, bà M, ông Q, ông T2, bà L và bà G cũng có ký tên vào tờ di chúc này.

Nay ông B và bà M, ông Q, ông T, bà L, bà G thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H và ông S, đồng ý giao nhà đất nêu trên cho bà H và ông S được hưởng thừa kế theo di chúc ngày 08/10/2012 của cụ N, không có tranh chấp với bà H, ông S. Trường hợp chia thừa kế theo pháp luật thì ông B và bà M, ông Q, ông T2, bà L, bà G yêu cầu được hưởng phần thừa kế của mình và các ông bà tự nguyện giao phần thừa kế mà ông bà được hưởng cho bà H và ông S hưởng.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Q trình bày:***

Chồng bà Q là ông Lê Văn H, đã chết năm 2010. Vợ chồng bà có đăng ký kết hôn vào năm 1987 tại UBND thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành (nay là UBND phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh. Ông bà có 02 con chung là Lê Phạm Huyền T và Lê Phạm Minh T1. Ngoài ra, ông bà không có con nuôi, ông H không có con riêng. Cha mẹ ông H là cụ K và cụ N, đều đã chết và ông H có tất cả 11 anh chị em như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày. Nhà đất ngụ tại số 88, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của cụ K và cụ N để lại. Cụ K chết không có di chúc và việc cụ N lập di chúc, bà Q không có biết, không có bất kỳ ai kêu bà Q chứng kiến.

Theo bà Q, cụ N bị ung thư tụy, đã di căng nên sức khỏe rất yếu, đau nhức về thể xác lẫn tinh thần và ngày 28/10/2012, cụ N chết nhưng Giấy chứng nhận

sức khỏe ngày 03/10/2012 chứng nhận sức khỏe cụ N bình thường, đủ sức khỏe lập di chúc (chỉ cách ngày cụ Nchết 25 ngày) là không hợp lý. Ngoài ra, cụ N không biết chữ, đau bệnh nằm một chỗ thì không thể nào ký tên để lập di chúc, bốn người làm chứng trong di chúc cũng không khách quan.

Giả sử di chúc của cụ N hợp pháp nhưng cụ K không có để lại di chúc, ông H (chồng bà Q) chết sau cụ K, nhà đất tranh chấp là tài sản chung của cha mẹ thì cụ N không có quyền định đoạt hết tài sản là nhà đất nêu trên cho bà H, ông S hưởng thừa kế, như vậy ảnh hưởng đến quyền thừa kế của ông H, ảnh hưởng đến quyền lợi của mẹ con bà Q.

Do đó, bà Q không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H, ông S và yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ K và cụ N để lại theo quy định pháp luật cho bà Q và 02 con (chị T, anh T1) được hưởng phần thừa kế của ông H.

**** Người làm chứng – ông Nguyễn Công K trình bày:***

Ông K là hàng xóm của cụ N. Ngày 08/10/2012, ông B (con cụ N) S nhà nhờ ông K qua nhà cụ N để viết di chúc dùm cho cụ N. Tại thời điểm lập di chúc, mặc dù cụ N đã yếu, không đi lại được nhưng cụ N vẫn ngồi được và tinh thần vẫn minh mẫn, sáng suốt. Trước khi viết di chúc, ông K có hỏi ý kiến cụ N và cụ N nói nguyện vọng của cụ là muốn làm di chúc để lại nhà và đất của cụ N tại địa chỉ 42/8, khu phố C, phường D, huyện H (nay là phường D, thị xã H), tỉnh Tây Ninh cho 02 người con là Lê Thị Hồng H và Lê Thanh S và ông K là người viết nội dung "Tờ di chúc" ngày 08/10/2012 theo nguyện vọng của cụ N. Sau khi viết xong di chúc, ông K có đọc lại nội dung di chúc cho cụ N nghe, cụ N công nhận nội dung di chúc là đúng với ý nguyện của cụ N và cụ N ký tên, lăn tay vào di chúc. Ngoài ông K, còn có 03 người làm chứng khác là ông Đặng Văn V, ông Huỳnh Văn L, ông Trần Văn N cũng có mặt và ký tên chứng kiến vào di chúc của cụ N.

**** Người làm chứng – ông Đặng Văn V trình bày:***

Ông V không có quan hệ họ hàng với gia đình cụ N. Ông không nhớ ngày, chỉ nhớ tháng 10/2012, bà H có S nhà nhờ ông V S nhà cụ N để làm chứng việc cụ N lập di chúc. Sau khi ông Nguyễn Công K viết nội dung di chúc dùm cụ N xong thì ông K có đọc lại nội dung di chúc cho cụ N và những người có mặt cùng nghe, gồm: 08 người con cụ N (ông B, bà M, ông Q, ông T, bà L, bà G, bà H, ông S) và 03 người làm chứng (ông V, ông L, ông N). Nghe hết nội dung di chúc thì cụ N công nhận nội dung "Tờ di chúc" đúng với nguyện vọng của cụ N và cụ N có ký tên, lăn tay vào di chúc này. Sau đó thì các con của cụ N cũng có ký tên vào di chúc và 04 người làm chứng cũng có ký tên làm chứng vào di chúc của cụ N. Cụ N lập di chúc để lại nhà và đất của cụ N tại khu phố C, phường D, huyện H (nay là phường D, thị xã H), tỉnh Tây Ninh cho 02 người con là bà H và ông S. Tại thời điểm lập di chúc, cụ N bị bệnh nên sức khỏe yếu nhưng tinh thần cụ N thì minh mẫn, sáng suốt, nói chuyện rõ ràng.

**** Người làm chứng – ông Huỳnh Văn L trình bày:***

Ông L là cháu ruột của cụ K nên có quan hệ họ hàng với các đương sự trong vụ án. Tại thời điểm năm 2012, ông L buôn bán tại khu vực Cửa 8 Chợ Long Hoa nên ông thường xuyên đến nhà cụ N để chơi vào lúc chiều tối. Cho nên, ngày cụ N làm di chúc, sẵn dịp ông Khanh có mặt nên ông chứng kiến cụ N lập di chúc. Ông Nguyễn Công K là người viết nội dung di chúc dùm cụ N. Sau khi viết xong di chúc, ông K đọc lại nội dung di chúc cho cụ N, 08 người con cụ N (ông B, bà M, ông Q, ông T, bà L, bà G, bà H, ông S) và 03 người làm chứng (ông L, ông V, ông N) cùng nghe. Nghe xong, cụ N công nhận nội dung "Tờ di chúc" mà ông K viết dùm là đúng với ý nguyện của cụ N là để lại nhà và đất của cụ N tại khu phố C, phường D, huyện H (nay là phường D, thị xã H), tỉnh Tây Ninh cho 02 người con là bà H và ông S, rồi cụ N ký tên, lăn tay vào di chúc này. Tại thời điểm lập di chúc, sức khỏe của cụ N yếu nhưng tinh thần cụ N vẫn minh mẫn, sáng suốt, ngồi được, nói chuyện được. Ông L có ký tên làm chứng vào di chúc của cụ N.

* ***Người làm chứng – ông Trần Văn N trình bày:***

Trước đây, ông N là hàng xóm với cụ N. Ông N không nhớ thời gian cụ thể nhưng ông có chứng kiến cụ N lập di chúc để lại nhà và đất của cụ N tại khu phố C, thị trấn D, huyện H (nay là phường D, thị xã H), tỉnh Tây Ninh cho 02 người con là bà H và ông S. Sau khi viết xong di chúc, cụ N được nghe đọc lại nội dung di chúc, công nhận di chúc đúng với nguyện vọng và cụ N ký tên vào di chúc. Tại thời điểm lập di chúc, tuy già yếu nhưng cụ N vẫn minh mẫn, sáng suốt. Ông N có ký tên làm chứng vào di chúc của cụ N.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Bà H và ông S thống nhất trình bày: Ông bà yêu cầu được hưởng thừa kế theo di chúc ngày 08/10/2012 của cụ N và ông bà yêu cầu được sở hữu, sử dụng chung nhà đất nêu trên, không đồng ý chia cho chị T, anh T, bà Q.

- Chị T và anh T1 thống nhất trình bày: Anh chị không công nhận di chúc ngày 08/10/2012 của cụ N vì nhà đất tranh chấp là tài sản của cụ K và cụ N, cụ N không có quyền định đoạt hết tài sản của 02 người; kết luận giám định về chữ ký thì không có cơ sở xác định chữ ký của cụ N; giấy khám sức khỏe thì không thể hiện tiền sử bệnh án của cụ N và trong nội dung di chúc thể hiện tài sản đã cho 08 người con trong đó có ông B nhưng ông B trình bày là ông chưa được cha mẹ chia tài sản là không hợp lý. Do đó, chị T và anh T1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật.

- Ông B thống nhất với yêu cầu của bà H, ông S. Trường hợp có chia thừa kế theo pháp luật thì phần mà ông B, bà M, ông Q, ông T2, bà L, bà G được chia sẽ giao hết cho bà H, ông S hưởng.

- Bà Q thống nhất với yêu cầu của chị T, anh T1. Bà Q không công nhận di chúc của cụ N, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ K, cụ N để lại và giao phần thừa kế của ông H cho bà và chị T, anh T1 được hưởng.

- Luật sư Phạm Văn T trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Các bên đương sự đã thống nhất với nhau về di sản do cụ K và cụ N để lại là nhà, đất tại khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh và thống nhất về người thừa kế của hai cụ.

"Tờ di chúc" ngày 08/10/2012 của cụ N được lập hợp pháp cả về hình thức và nội dung, bởi lẽ: Khi lập di chúc, cụ N minh mẫn, sáng suốt, không bị đe dọa, cưỡng ép. Cụ N không mắc bệnh thần kinh và trước khi lập di chúc, cụ N có khám sức khỏe với kết luận đủ sức khỏe lập di chúc. Ngoài ra, di chúc của cụ N được lập thành văn bản, nhờ người làm chứng viết và có 04 người làm chứng ký tên. Trong 04 người làm chứng thì ông Huỳnh Văn L có quan hệ họ hàng với cụ N nên dù có loại trừ ông L thì 03 người làm chứng còn lại vẫn đảm bảo theo quy định của pháp luật tại Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 2005 là có ít nhất 02 người làm chứng và tất cả người làm chứng đều xác nhận cụ N ký tên, điểm chỉ trước mặt họ. Đồng thời, trong nội dung di chúc, cụ N xác nhận giao toàn bộ nhà đất nêu trên cho bà H, ông S được toàn quyền sử dụng. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp chia thừa kế theo pháp luật thì yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận công sức giữ gìn tôn tạo di sản của bà H, ông S để chia cho ông bà nhiều hơn các đồng thừa kế khác.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 609, 612, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 632, 634, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng H, ông Lê Thanh S về tranh chấp di sản thừa kế. Giao toàn bộ nhà đất cho bà H, ông S được toàn quyền quản lý sử dụng; bà H, ông S có nghĩa vụ thanh toán lại một suất thừa kế theo quy định pháp luật cho bà Q, chị T, anh T1 là 187.885.000 đồng. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xác định di sản:

Các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc phần đất diện tích 97m^2 và căn nhà cấp 4 có diện tích 95,46m^2 thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của cụ K và cụ N tạo lập và được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vào ngày 26/02/2001 (hồ sơ gốc số 37-2001) mang tên cụ Lê Văn K và cụ Nguyễn Thị N (diện tích đất và căn nhà cấp 4 ghi trong giấy chứng nhận là 72,05m^2). Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có đủ căn cứ xác định di sản mà cụ K và cụ N chết để lại là căn nhà cấp 4 có diện tích 95,46m^2 và phần đất diện tích 97m^2, thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về việc xác định di chúc của cụ Nguyễn Thị N:

Ngày 08/10/2012, cụ Nguyễn Thị N lập "Tờ di chúc" có nội dung: *"Tôi tên Nguyễn Thị N... hiện là chủ căn nhà 42/8 KP1 thị trấn HT-TN. Hôm nay, tôi đã già yếu nhưng vẫn còn minh mẫn, sợ con cháu sau này tranh cải nhà đất, nên tôi làm tờ di chúc này để ủy quyền căn nhà này và đất cho 2 đứa con tôi là: 1- Lê Thị Hồng H, sinh năm: 1972, 2- Lê Thanh S, sinh năm: 1982... Tôi mong sau này chính quyền căn cứ theo lời di chúc của tôi, cho hai con tôi được trọn quyền sở hữu căn nhà đất của tôi để lại..."*. Tờ di chúc này do ông Nguyễn Công K (hàng xóm) viết dùm cụ N và cụ N có ký tên và điểm chỉ ngón trỏ trái, ngón trỏ phải dưới mục "Người lập di chúc". Ngoài ra, trong di chúc còn có 04 người làm chứng ký tên là ông Nguyễn Công K, ông Đặng Văn V, ông Huỳnh Văn L, ông Trần Văn N và 06 người con của cụ N ký tên là ông Lê Văn B, bà Lê Thị M, ông Lê Văn Q, ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị L, bà Lê Thị G.

Bị đơn cho rằng kết luận giám định không đủ cơ sở kết luận chữ ký của cụ N thì di chúc không hợp pháp là không có căn cứ, bởi vì: Tuy Kết luận giám định số 3719/C09B ngày 20/9/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N dưới mục "Người lập di chúc" trên Tờ di chúc đề ngày 08/10/2012 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không nhưng Kết luận giám định số 3719-1/C09B ngày 02/11/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 02 dấu vân tay màu đỏ đứng tên Nguyễn Thị N dưới mục "Người lập di chúc" với dấu vân tay ngón trỏ trái và dấu vân tay ngón trỏ phải của bà Nguyễn Thị N trên tài liệu mẫu so sánh là do vân tay của một người để lại. Các bên đương sự đều thống nhất với các kết luận giám định trên.

Ngoài ra, bị đơn cho rằng cụ N bị bệnh ung thư tụy, thể chất và tinh thần đau nhức nên tinh thần cụ N không còn minh mẫn nhưng bị đơn không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cụ N mắc bệnh liên quan đến thần kinh hay cụ N bị mất năng lực hành vi dân sự khi lập di chúc, còn phía nguyên đơn cung cấp được chứng cứ là "Giấy chứng nhận sức khỏe" ngày 03/10/2012 của cụ N được Hội đồng Giám định Y khoa kết luận: *"Đủ sức khỏe lập di chúc"*.

Đồng thời, bị đơn cho rằng 04 người làm chứng không khách quan là không có căn cứ, bởi vì cả 04 người làm chứng đều là người đủ năng lực hành vi dân sự, không phải là người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cụ N, không có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc của cụ N.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Tại thời điểm lập di chúc, tinh thần cụ N minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép, nội dung của di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội, hình thức di chúc được lập thành văn bản, có người làm chứng, không trái quy định của pháp luật nên di chúc của cụ N hợp pháp.

Tuy nhiên, nhà đất nêu trên là tài sản chung của cụ K và cụ N tạo lập, việc cụ N lập di chúc định đoạt toàn bộ nhà đất cho bà H, ông S là không đúng theo quy định pháp luật nên di chúc của cụ N chỉ có hiệu lực pháp luật một phần đối với phần di sản của cụ N. Do đó, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo di chúc của cụ N. Đối với phần di sản của cụ K sẽ được chia theo pháp luật.

[3] Về việc xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Văn K:

Các đương sự thống nhất những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự, gồm: Cụ Nguyễn Thị N, ông Lê Văn B, bà Lê Thị M, ông Lê Văn H, ông Lê Văn Q, bà Lê Thị Hồng H, ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị L, bà Lê Thị G và ông Lê Thanh S.

Ông Lê Văn H chết năm 2010, có vợ là bà Phạm Thị Q và 02 người con là chị Lê Phạm Huyền T và anh Lê Phạm Minh T1 nên bà Q, chị T, anh T1 được hưởng thừa kế mà ông H được hưởng.

[4] Về việc phân chia thừa kế:

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2022 thì căn nhà cấp 4, diện tích 95,46m^2 có giá trị là 154.167.900 đồng; phần đất 97m^2 có giá trị là 3.603.537.097 đồng; tổng giá trị di sản là 3.757.704.997 đồng. Cụ K và cụ N mỗi người được ½ giá trị tài sản, tương đương là 1.878.852.498 đồng.

Phần di sản 1.878.852.498 đồng của cụ K sẽ được chia thành 10 phần cho cụ N và 09 người con, gồm: ông B, bà M, ông Quyền, ông T2, bà L, bà G, ông Hoài, bà Hạnh, ông S; mỗi phần trị giá: 1.878.852.498 đồng : 10 = 187.885.249 đồng.

Bà Q, chị T, anh T1 sẽ hưởng suất thừa kế của ông Hoài là 187.885.249 đồng.

Ông B, bà M, ông Q, ông T2, bà L, bà G, mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế là 187.885.249 đồng nhưng các ông bà tự nguyện giao suất thừa kế của mình cho bà H và ông S hưởng nên được ghi nhận.

Bà Hh, ông S được cụ N để lại di chúc toàn bộ phần di sản của cụ N nên bà H và ông S sẽ được hưởng thừa kế của cụ N là: 1.878.852.498 đồng + 187.885.249 đồng = 2.066.737.747 đồng.

Do đất chỉ có chiều ngang 4,3m nên không thể tách thửa phân chia và bà H, ông S đang quản lý sử dụng nhà đất, ông bà có nhu cầu được sở hữu, sử dụng chung nhà đất nên cần giao toàn bộ nhà đất cho bà H, ông S được quyền sở hữu và sử dụng chung.

Bà H và ông S có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị T, anh T1, bà Q số tiền 187.885.249 đồng (làm tròn 187.885.000 đồng) giá trị di sản chia cho ông H.

Như vậy, tổng giá trị di sản bà H, ông S được hưởng là 3.569.819.748 đồng (tổng giá trị di sản 3.757.704.997 đồng – suất thừa kế của ông H 187.885.249 đồng).

[5] Về chi phí tố tụng: Các chi phí tố tụng trong vụ án gồm: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 800.000 đồng, chi phí đo đạc 986.000 đồng, chi phí định giá tài sản 1.400.000 đồng, tổng cộng là 3.186.000 đồng.

Căn cứ vào các Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các đương sự phải chịu phần chi phí tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia, theo đó:

- Bà H, ông S được hưởng 3.569.819.748 đồng, tương đương 95% giá trị di sản (3.757.704.997 đồng) nên phải chịu 95% của số tiền 3.186.000 đồng là 3.027.000 đồng.

- Chị T, anh T1, bà Q được chia 187.885.249 đồng, tương đương 5% giá trị di sản (3.757.704.997 đồng) nên phải chịu 5% của số tiền 3.186.000 đồng là 159.000 đồng (đã làm tròn).

Bà H, ông S đã nộp 3.186.000 đồng và chi phí xong, do đó chị T, anh T1 và bà Q phải trả lại cho bà H, ông S 159.000 đồng.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Giá trị tài sản mà bà H, ông S được hưởng là 3.569.819.748 đồng nên ông bà phải chịu án phí là: 72.000.000 đồng + (1.569.819.748 đồng x 2%) = 103.396.394 đồng (làm tròn 103.396.000 đồng).

Giá trị tài sản mà chị T, anh T1, bà Q được hưởng là 187.885.249 đồng nên phải chịu án phí là: 187.885.249 đồng x 5% = 9.394.262 đồng (làm tròn 9.394.000 đồng).

[7] Các đề nghị của Viện kiểm sát N dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 643, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng H, ông Lê Thanh S đối với chị Lê Phạm Huyền T, anh Lê Phạm Minh T1 về việc chia thừa kế.

Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N theo di chúc ngày 08/10/2012 và chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn K theo pháp luật đối với phần đất diện tích 97m^2 và căn nhà cấp 4 diện tích 95,46m^2 thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 28, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 26/02/2001 (hồ sơ gốc số 37-2001) do cụ Nguyễn Thị N và cụ Lê Văn K đứng tên, diện tích nhà, đất ghi trong giấy chứng nhận là 72,05m^2, nhà đất tọa lạc tại khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, cụ thể:

- Bà Lê Thị Hồng Hạ, ông Lê Thanh S được sử dụng chung phần đất diện tích 97m^2 (đất ở đô thị 72,05m^2 + đất trồng cây lâu năm 24,95m^2), thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 28, có tứ cận: Đông giáp đường Phan Bội Châu dài 4,3m; Tây giáp thửa 166 dài 3,0m, giáp thửa 188 dài 2,3m; Nam giáp thửa 163 dài 23,6m; Bắc giáp thửa 162 dài 18,3m, giáp thửa 166 dài 4,82m và được sở hữu chung căn nhà cấp 4 diện tích 95,46m^2 xây dựng trên thửa đất 164. Nhà đất tọa lạc tại khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Lê Thị Hồng H và ông Lê Thanh S có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Phạm Huyền T, anh Lê Phạm Minh T1, bà Phạm Thị Q số tiền 187.885.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) giá trị di sản được chia.

Kể từ ngày chị T, anh T1, bà Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông S chưa thanh toán đủ cho chị T, anh T1, bà Q số tiền nêu trên thì hàng tháng bà H, ông S còn phải trả cho chị T, anh T1, bà Q tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở từ tên cụ Nguyễn Thị N và cụ Lê Văn K S cho bà Lê Thị Hồng H và ông Lê Thanh S theo quyết định của bản án.

(Có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 2417/SĐ-TĐCL kèm theo bản án).

2. Về chi phí tố tụng:

Ghi nhận bà H, ông S đã nộp 3.186.000 đồng (ba triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng) và chi phí xong.

Chị T, anh T1, bà Q có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H, ông S số tiền 159.000 đồng (một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H và ông S phải chịu 103.396.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H, ông S đã nộp 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0009103 và số 0009104 ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, bà H và ông S còn phải nộp 97.396.000 đồng (chín mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu ngìn đồng).

Chị T, anh T1 và bà Q phải chịu 9.394.000 đồng (chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.